

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM- ST
Ngày: 14 – 9 – 2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Anh và bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-KDTM ngày 20-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST-KDTM ngày 19-8-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón T; Địa chỉ: Lô C14 đường số 9, KCN R, xã L, huyện M, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước L – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1987; Địa chỉ: F6/26M ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện S, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV SX TM DV H; Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thế T – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị X, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV SX TM DV H (sau đây gọi tắt là Công ty H) là một đại lý bán hàng của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón T (sau đây gọi tắt là Công ty T).

Từ ngày 01-7-2019 đến ngày 31-12-2019 Công ty H có mua hàng của Công ty T với số tiền 4.292.500.000 đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng kinh tế số: 07/HT-19 ký ngày 03-7-2019. Căn cứ khoản 2 hợp đồng trên thì công ty H sẽ phải thanh toán công nợ cho Công ty T 50% tổng công nợ trước ngày 31-12-2019 dương lịch, 50% số tiền công nợ còn lại phải thanh toán chậm nhất vào ngày 31-12-2019 âm lịch.

Đến hạn Công ty H không thực hiện việc thanh toán công nợ như đã cam kết. Ngày 05-01-2022 Công ty H và Công ty T đã đối chiếu công nợ, theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 05-01-2022 thì Công ty H còn nợ công ty T số tiền 4.292.500.000 đồng. Cho đến nay Công ty H chưa trả tiền cho Công ty T.

Nay Công ty T yêu cầu Công ty H phải trả số tiền nợ gốc là 4.292.500.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01-01-2020 đến ngày 14-9-2022 theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định với số tiền 1.031.180.671 đồng. Tổng cộng là 5.323.680.671 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV TMDV H người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH MTV TMDV H được thành lập và cấp giấy ĐKKD năm 2009 do bà Lê Thị X làm người đại diện theo pháp luật, ngày 06-7-2022 đã được chuyển qua cho ông là Lê Thế T đối với khoản nợ của công ty H với Công ty T ông xin trả vào năm 2025 và yêu cầu không tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X trình bày:

Công ty H được thành lập và cấp giấy ĐKKD năm 2009 do bà làm người đại diện theo pháp luật, đến ngày 03-7-2019 bà đại diện Công ty ký hợp đồng Kinh tế số 07/HT-19 mua bán sản phẩm NPK các loại với Công ty T, phía Công ty T đã chuyển phân bón nhiều lần và đã được đối chiếu công nợ vào ngày 05-01-2022 là 4.292.500.000 đồng, số tiền trên bà vẫn chưa trả được cho Công ty T, do tình hình dịch Covid-19 kéo dài, Công ty H làm ăn bị phá sản, bà đồng ý trả số tiền trên vào năm 2025 và yêu cầu không tính lãi. Hiện nay thì Công ty H đã chuyển cho ông Lê Thế T làm chủ doanh nghiệp từ ngày 06-7-2022 ông Lê Thế T là chồng bà cũng xin trả nợ vào thời gian trên.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 30, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc

giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản sau: Tiền gốc là 4.292.500.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01-01-2020 đến ngày 14-9-2022 theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định với số tiền 1.031.180.671 đồng. Tổng cộng là 5.323.680.671 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của Công ty T yêu cầu Công ty H trả tiền mua bán phân bón theo Hợp đồng kinh tế số: 07/HT-19 ký ngày 03-7-2019 và đã được đối chiếu công nợ ngày 05-01-2022 với số tiền gốc 4.292.500.000 và tiền lãi đến thời điểm xét xử theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định, thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Công ty H là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có mặt để làm việc, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy có đủ căn cứ xét xử vắng mặt đại diện bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ 4.292.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ ngày 01-01-2020 đến ngày 14-9-2022 theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định với số tiền 1.031.180.671 đồng. Tổng cộng là 5.323.680.671 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tiền gốc: Ngày 03-7-2019 Công ty H (Đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị X – chức vụ: Giám đốc) và Công ty T (Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Phước L – chức vụ: Tổng Giám đốc) đã ký với nhau Hợp đồng kinh tế số: 07/HT-19 để mua bán phân bón NPK dạng một hạt và hàng trộn (nhiều màu). Căn cứ hợp đồng, Công ty T đã xuất hàng theo 35 Hóa đơn số 0000143, 0000148 ngày 30-7-2019; 0000160, 0000161, 0000162, 0000163, 0000164, 0000165 ngày 05-8-2019; 0000168, 0000169, 0000171, 0000172, 0000173 ngày 07-8-2019; 0000175, 0000176, 0000177, 0000178, 0000179, 0000180 ngày 09-8-2019; 0000196, 0000197, 0000198, 0000199, 0000200 ngày 28-8-2019; 0000211, 0000213, 0000214 ngày 04-9-2019; 0000219 ngày 07-9-2019; 0000227 ngày 12-9-2019; 0000231 ngày 14-9-2019; 0000234 ngày 18-9-2019; 0000358, 0000359 ngày 18-01-2020; 0000420 ngày 18-02-2020 với tổng số tiền 4.292.500.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 hợp đồng trên thì Công ty H sẽ phải thanh toán công nợ cho Công ty T 50% tổng công nợ trước ngày 31-12-2019 dương lịch, 50% số tiền công nợ còn lại phải thanh toán chậm nhất vào ngày 31-12-2019 âm lịch. Theo Bảng đối chiếu công nợ giữa hai công ty ngày 05-01-2022 thì Công ty H còn nợ công ty T số tiền 4.292.500.000 đồng, Công ty H thừa nhận vẫn chưa trả tiền cho Công ty T theo như thời hạn trong Hợp đồng kinh tế số: 07/HT-19.

Do Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu trả nợ gốc là 4.292.500.000 đồng phù hợp.

Về tiền lãi: Các bên thỏa thuận theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định là phù hợp theo quy định của pháp luật. Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất là 09%/năm để tính lãi, cụ thể:

- Lãi 50% theo thỏa thuận của Hợp đồng từ ngày 31-12-2019 đến ngày 25-01-2020:

$2.088.500.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 25 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 12.874.315 \text{ đồng}$

$59.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 7 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 101.835 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 12.976.150 đồng

- Lãi 100% theo thỏa thuận của Hợp đồng từ ngày 26-01-2020 đến ngày 14-9-2022:

$4.292.500.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 962 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 1.018.204.520 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi từ ngày 31-12-2019 đến ngày 14-9-2022: 1.031.180.671 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Công ty H phải trả cho Công ty T tổng số tiền là 5.323.680.671 đồng (Tiền gốc là 4.292.500.000 đồng; tiền lãi 1.031.180.671 đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T được chấp nhận nên Công ty H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[7] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón T số tiền là 5.323.680.671 đồng (Tiền gốc là 4.292.500.000 đồng; tiền lãi 1.031.180.671 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ H phải tiếp tục chịu lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ H phải nộp 112.323.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón T 56.633.405 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004763 ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R’lấp;
- Chi cục THADS H. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh